ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

B1/2011/NQ-HĐND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 14 tháng 12 năm 2011

Người ký: Sở Tư pháp
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình
Thời gian ký: 28.02.2019 08:28:39 +07:00

NGHỊ QUYẾT

v/v phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Bình đến năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 16 tháng 12 năm 2003; Luật nhà ở năm 2005 và Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật nhà ở;

Sau khi xem xét đề nghị của Uỷ ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 153/TTr-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2011; Báo cáo thẩm tra số 42/BC-KTNS ngày 09/12/2011 của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Bình đến năm 2020 theo đề nghị của Uỷ ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 153/TTr-UBND ngày 08/12/2011 với nội dung chủ yếu sau:

I. Mục tiêu phát triển nhà ở đến năm 2020

- Diện tích nhà ở bình quân đến năm 2015 toàn tỉnh đạt 22m^2/người, trong đó tại đô thị đạt 26m^2/người, tại nông thôn đạt 19m^2/người; đến năm 2020 toàn tỉnh đạt 25m^2/người, tại nông thôn đạt 22m^2/người;

- Tích cực triển khai thực hiện các chương trình phát triển nhà ở xã hội tại khu vực đô thị (*chủ yếu là nhà căn hộ chung cư*) và hỗ trợ hộ nghèo khu vực nông thôn; phấn đấu đến năm 2020 đáp ứng 70% công nhân tại các khu, cụm công nghiệp, 80% sinh viên, học sinh tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy

nghề có nhu cầu chỗ ở; hoàn thành xoá nhà ở đơn sơ cho hộ chính sách và hộ nghèo (theo chuẩn mới);

- Phấn đấu nâng tỷ lệ nhà ở chung cư trong các dự án phát triển nhà ở tại Thành phố Thái Bình đến năm 2015 đạt 30%, đến năm 2020 đạt trên 40% tổng số đơn vị nhà ở xây dựng mới, tiến tới giảm thiểu nhà ở liền kề;

- Nâng cao tỷ trọng nhà ở kiên cố, giảm tỷ trọng nhà ở bán kiên cố, xoá nhà ở đơn sơ; phấn đấu đến năm 2015 đạt tỷ lệ 98;5% nhà ở kiên cố và đến năm 2020 đạt tỷ lệ 100% nhà ở kiên cố.

II. Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2011-2020

1. Tại Thành phố Thái Bình

a) Kế hoạch phát triển nhà ở thương mại

Hoàn thành dứt điểm các khu đô thị đã có, căn cứ nhu cầu phát triển nhà ở sẽ triển khai đầu tư xây dựng các dự án phát triển nhà ở thương mại, với tổng diện tích sàn tăng thêm là 1,248 triệu m^2, tổng diện tích đất khoảng 130 ha, chiếm 54,4% tổng nhu cầu đất phát triển nhà ở giai đoạn này.

** Giai đoạn 2011-2015.*

- Đôn đốc hoàn thành dứt điểm việc xây dựng nhà ở tại các khu đô thị đã có như: Khu đô thị Trần Hưng Đạo, Khu đô thị Trần Lãm, Khu đô thị Kỳ Bá, sớm bàn giao cho Thành phố quản lý để người dân yên tâm sử dụng và có thực quyền sở hữu.

- Triển khai đầu tư xây dựng mới các Dự án phát triển nhà ở thương mại sau:

+ Khu dân cư và nhà ở xã hội phường Quang Trung với diện tích 10 ha.

+ Khu nhà ở đường Lê Quý Đôn kéo dài, phường Trần Lãm diện tích giai đoạn 1 khoảng 30 ha.

+ Khu nhà ở đường Nguyễn Tông Quai- Hoàng Công Chất khoảng 20 ha.

+ Khu nhà ở xã Vũ Phúc giai đoạn 1 khoảng 15 ha.

+ Khu nhà ở phường Hoàng Diệu giai đoạn 1 khoảng 10 ha.

+ Khu nhà ở xã Phú Xuân giai đoạn 1 khoảng 15 ha.

+ Một số khu nhà ở phát sinh mới và một số khu nhà ở quy mô nhỏ xen kẽ trong khu dân cư hiện có diện tích khoảng 30 ha.

Tổng diện tích đất của các Dự án phát triển nhà ở tại Thành phố Thái Bình giai đoạn 2011-2015 là khoảng 130 ha, chiếm 54,4%, tổng nhu cầu đất phát triển nhà ở giai đoạn này là 238,9 ha.

** Giai đoạn 2016-2020.*

- Khu nhà ở đường Lê Quý Đôn kéo dài giai đoạn 2 với diện tích khoảng 20 ha.

- Khu nhà ở xã Vũ Phúc giai đoạn 2 khoảng 15 ha.

- Khu nhà ở phường Hoàng Diệu giai đoạn 2 khoảng 15 ha.

- Khu nhà ở đường Nguyễn Tông Quai- Hoàng Công Chất khoảng 30 ha.

- Khu nhà ở xã Vũ Chính khoảng 10 ha.

- Một số Khu nhà ở tại xã Vũ Lạc, Vũ Đông, Tân Bình, Đông Hoà khoảng 30 ha.

Tổng diện tích đất của các Dự án phát triển nhà ở tại Thành phố Thái Bình giai 2016-2020 là 140 ha chiếm 44,4%, tổng nhu cầu phát triển đất ở giai đoạn này 15 ha.

b) Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội

** Giai đoạn 2011-2015.*

- Hoàn thành xây dựng khu nhà ở xã hội tại điểm Xí nghiệp Đoàn kết cũ đường n Hưng Đạo diện tích 0,47 ha, tại lô đất cạnh Đoàn chèo Thái Bình với diện tích ha và tại khu tập thể Công ty xuất nhập khẩu Thái Bình diện tích khoảng 0,3 ha.

- Hoàn thành các Dự án nhà ở công nhân các đơn vị ngành Dầu khí, nhà ở Tập an Than khoáng sản Việt Nam và Tập đoàn Điện lực.

- Hoàn chỉnh Dự án nhà ở sinh viên với quy mô 4 nhà 9 tầng có diện tích sàn là .000 m² bố trí chỗ ở cho 3.400 sinh viên tại Thành phố Thái Bình và ký túc xá sinh viên ường đại học Y khoa; trường đại học Công nghiệp Thành phố Thái Bình (khu 2); hoàn hình Dự án làng sinh viên trên diện tích 2 ha tại phường Quang Trung.

- Triển khai xây dựng khu nhà ở xã hội tại phường Quang Trung với diện tích hoảng 1,9ha; khu nhà ở xã hội tại xã Phú Xuân với diện tích khoảng 5 ha và một số ự án nhà ở xã hội khác khi có nhu cầu.

** Giai đoạn 2016-2020.*

- Triển khai khu nhà ở xã hội tại xã Phú Xuân với diện tích khoảng 5ha.

- Các công trình nhà ở xã hội độc lập trong các dự án phát triển nhà ở thương mại với diện tích khoảng 5ha.

2. Tại các thị trấn, đô thị mới và các xã có khả năng đô thị hoá cao liền kề các đô thị và khu công nghiệp: Mỗi địa phương triển khai 01 đến 02 dự án phát triển nhà ở thương mại, với quy mô tổng diện tích đất từ 5-7 ha (tương đương 48.000 đến 67.200 m² sàn tăng thêm), tối đa là 15 ha cho các thị trấn có khả năng phát triển và sức hút nhà đầu tư. Đối với các đô thị có yếu tố phát triển đột biến có thể mở rộng quy mô dự án đáp ứng yêu cầu tuỳ theo điều kiện cụ thể.

3. Đối với khu vực nông thôn: Tích cực chỉnh trang nhà ở khu dân cư theo hướng nâng cao tỷ lệ nhà ở kiên cố, xoá bỏ nhà ở đơn sơ đảm bảo tiêu chuẩn diện tích; xây dựng các khu ở mới tập trung đồng bộ hạ tầng theo quy hoạch nông thôn mới đã duyệt; đẩy nhanh quy hoạch chi tiết xác định, công bố quỹ đất được phép xây dựngvà thực hiện thí điểm xây dựng nhà ở cho các điểm dân cư theo dự án kiểu đô thị.

III. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

1. Nhiệm vụ

- Tạo điều kiện khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển nhà ở thương mại để bán, cho thuê, thuê mua theo cơ chế thị trường nhằm đáp ứng nhu cầu của các đối tượng có khả năng chi trả;

- Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nhà ở cho các nhóm đối tượng chính sách xã hội gặp khó khăn về nhà ở nhưng không có đủ khả năng thanh toán theo cơ chế thị trường gồm:

+ Giải quyết nhà ở cho người có công với cách mạng theo hướng tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ người có công khi mua, thuê nhà ở;

+ Giải quyết nhà ở cho hộ nghèo theo hướng tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ theo nguyên tắc nhà nước hỗ trợ một phần từ nguồn ngân sách kết hợp với nguồn vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội và nguồn vốn huy động của cộng đồng, dòng họ và của chính hộ gia đình được hỗ trợ; khuyến khích các tổ chức, cá nhân tặng nhà tình thương, nhà đại đoàn kết cho các đối tượng khó khăn về nhà ở;

+ Giải quyết nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị, công nhân lao động tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng nhà nước chủ động đầu tư phát triển quỹ nhà ở xã hội để cho thuê, thuê mua; đồng thời thực hiện chính sách ưu đãi của nhà nước để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng nhà ở để bán, thuê mua đối với các đối tượng;

+ Giải quyết nhà ở cho học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề theo hướng tiếp tục thực hiện chủ trương đầu tư xây dựng nhà ở cho sinh viên, học sinh các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề thuê từ nguồn trái phiếu Chính phủ, nguồn ngân sách nhà nước, kết hợp với khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia;

+ Giải quyết nhà ở cho các đối tượng khác theo chính sách hiện hành của nhà nước.

2. Các giải pháp chủ yếu:

- Tập trung khai thác hiệu quả nguồn nhân lực về đất đai để huy động các thành phần kinh tế tham gia phát triển nhà ở, đáp ứng nhu cầu phát triển nhà ở nói chung và nhà ở xã hội nói riêng;

- Đẩy nhanh việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết trên cơ sở quy hoạch chung đô thị, quy hoạch nông thôn mới đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; công khai quy hoạch xây dựng và kế hoạch phát triển nhà ở; xác định và công bố quỹ đất được phép xây dựng nhà ở theo quy hoạch để làm cơ sở thu hút đầu tư tổ chức triển khai các dự án phát triển nhà ở theo quy hoạch; bố trí hợp lý quỹ đất xây dựng các loại nhà ở, gồm nhà ở thương mại, nhà ở xã hội trong quy hoạch chi tiết đô thị;

Các dự án nhà ở thương mại tại Thành phố Thái Bình phải bố trí khoảng 20% diện tích sàn nhà ở dành để làm nhà ở xã hội.

- Tập trung xây dựng các nhà ở mới để di dời các hộ dân đang sinh sống tại các nhà chung cư cũ đã bị hư hỏng, xuống cấp, không bảo đảm an toàn tại trung tâm ;

- Đối với khu vực nông thôn, từng bước thực hiện việc phát triển nhà ở hình các điểm dân cư nông thôn có đầy đủ cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; đảm phù hợp mục tiêu chương trình xây dựng nông thôn mới; thí điểm mô hình triển nhà ở theo dự án;

- Kiến trúc nhà ở đô thị và nông thôn phải đáp ứng yêu cầu về thẩm mỹ, có bản coi trọng bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống; xây dựng các thiết kế mẫu ở phù hợp với tập quán sinh hoạt, điều kiện sản xuất và truyền thống văn hoá của phương;

- Củng cố, nâng cao năng lực bộ máy quản lý về phát triển nhà ở tại địa phương các đô thị; kiện toàn Ban chỉ đạo chính sách nhà ở và thị trường bất động sản; nh lập và đưa vào hoạt động quỹ phát triển nhà ở sau khi có hướng dẫn của Bộ Tài nh theo Quyết định số 2127/QĐ-TTg ngày 30/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ việc phê duyệt chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến n 2030.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Uỷ ban nhân dân tỉnh xây dựng quy ch chi tiết từng dự án thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước quyết định triển khai các dự án.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khoá XV, kỳ họp thứ ba ng qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Diên

ĐỒNG NHÂN DÂN
NH THÁI BÌNH

38/2011/NQ-HĐND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 14 tháng 12 năm 2011

NGHỊ QUYẾT

V/v. quy định mức trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng dân quân tự vệ khi tham gia huấn luyện, hoạt động và chế độ phụ cấp đối với cán bộ Ban chỉ huy quân sự cấp xã, chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ, *phó chỉ huyBan chỉ huy quân sự cấp xã* bố trí theo Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 31/8/2010 của Uỷ ban nhân dân tỉnh và thôn đội trưởng theo Luật dân quân tự vệ.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Uỷ nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ số 43/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật Dân quân tự vệ;

Xét đề nghị của Uỷ ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 149/TTr-UBND ngày 02 ng 12 năm 2011; Báo cáo thẩm tra số 34/BC-BPC ngày 08 tháng 12 năm 2011 của Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Tờ trình số 149/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2011 của ND tỉnh về việc quy định mức trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng dân n tự vệ khi tham gia huấn luyện, hoạt động và chế độ phụ cấp đối với cán bộ Ban ỉ huy quân sự cấp xã, chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ, phó chỉ huy Ban chỉ huy quân cấp xã bố trí theo Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 31/8/2010 của Uỷ ban hân dân tỉnh và thôn đội trưởng theo Luật dân quân tự vệ, với những nội dung sau:

I. Quy định mức trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng dân quân tự vệ hi tham gia huấn luyện, hoạt động.

1. Dân quân bộ binh, mức trợ cấp bằng hệ số 0,08 mức lương tối thiểu chung của cán bộ, công chức.

2. Dân quân biển, mức trợ cấp bằng hệ số 0,12 mức lương tối thiểu chung của cán bộ, công chức.

3. Lực lượng tự vệ biển được trả nguyên lương và các khoản phúc lợi, phụ cấp khác theo chế độ hiện hành.

4. Dân quân thường trực, mức trợ cấp bằng hệ số 0,08 mức lương tối thiểu chung của cán bộ, công chức; đối với dân quân nòng cốt đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 49 Luật Dân quân tự vệ.

5. Dân quân nòng cốt đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, nếu tiếp tục được kéo dài thời hạn tham gia thực hiện nghĩa vụ thì ngoài chế độ quy định chung, khi được huy động làm nhiệm vụ, mức trợ cấp bằng hệ số 0,04 mức lương tối thiểu chung của cán bộ công chức (thực hiện theo Điều 9, Thông tư liên tịch số 102/2010/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BNV-BTC; Khoản 5, Điều 47 Luật Dân quân tự vệ).

Nguồn kinh phí để thực hiện chế độ ngày công huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân do ngân sách xã, phường, thị trấn bố trí trong dự toán hàng năm; đối với doanh nghiệp kinh phí chi trả cho lực lượng tự vệ được tính vào các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp.

II. Quy định số lượng, cơ cấu cán bộ đối với Ban chỉ huy quân sự cấp xã, cơ quan, tổ chức và mức phụ cấp trách nhiệm đối với các chức danh quản lý, chỉ huy đơn vị.

1. Số lượng, cơ cấu cán bộ và mức phụ cấp trách nhiệm đối với Ban chỉ huy quân sự cấp xã, bố trí 04 người, gồm:

1.1. Chỉ huy trưởng là thành viên Uỷ ban nhân dân cấp xã; mức phụ cấp trách nhiệm được tính theo tháng, bằng hệ số 0,24 mức lương tối thiểu chung của cán bộ, công chức.

1.2. Chính trị viên là Bí thư Đảng uỷ cấp xã kiêm nhiệm; mức phụ cấp trách nhiệm được tính theo tháng, bằng hệ số 0,24 mức lương tối thiểu của cán bộ, công chức;

1.3. Chính trị viên phó là bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã kiêm nhiệm; mức phụ cấp trách nhiệm được tính theo tháng, bằng hệ số 0,22 mức lương tối thiểu chung của cán bộ, công chức.

1.4. Chỉ huy phó là công chức hoặc người hoạt động không chuyên trách được bố trí theo Quyết định số 12/2010/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2010 của Uỷ ban nhân dân tỉnh, Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Uỷ ban nhân dân tỉnh; mức phụ cấp trách nhiệm được tính theo tháng, bằng hệ số 0,22 mức lương tối thiểu chung của cán bộ, công chức.

2. Số lượng, cơ cấu cán bộ và mức phụ cấp trách nhiệm đối với ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, bố trí 04 người, gồm:

2.1. Chỉ huy trưởng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức kiêm nhiệm; mức phụ cấp trách nhiệm được tính theo tháng, bằng hệ số 0,24 mức lương tối thiểu chung của cán bộ, công chức.

2.2. Chính trị viên là bí thư đảng uỷ (chi bộ) kiêm nhiệm; mức phụ cấp trách nhiệm được tính theo tháng, bằng hệ số 0,24 mức lương tối thiểu chung của cán bộ, công chức.

Chính trị viên phó là bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc ơ quan kiêm nhiệm; mức phụ cấp trách nhiệm được tính theo tháng, bằng hệ mức lương tối thiểu chung của cán bộ, công chức.

Chỉ huy phó bố trí 01 cán bộ thuộc cơ quan, tổ chức kiêm nhiệm, đảm huyên trách công tác quốc phòng, quân sự của cơ quan, tổ chức; mức phụ cấp iệm được tính theo tháng, bằng hệ số 0,22 mức lương tối thiểu chung của cán chức.

Số lượng, cơ cấu cán bộ và mức phụ cấp trách nhiệm cán bộ quân sự ở thôn, bố trí , được bố trí Trưởng thôn kiêm; mức phụ cấp trách nhiệm được tính theo tháng, số 0,12 mức lương tối thiểu chung của cán bộ, công chức.

Phụ cấp trách nhiệm quản lý, chỉ huy đơn vị dân quân tự vệ được tính áng, bằng hệ số mức lương tối thiểu chung của cán bộ, công chức, quy thể như sau:

1. Tiểu đội trưởng, khẩu đội trưởng: 0,10;

2. Trung đội trưởng, thôn đội trưởng: 0,12;

3. Trung đội trưởng dân quân cơ động: 0,20;

4. Đại đội trưởng, chính trị viên đại đội: 0,20;

5. Đại đội phó, chính trị viên phó đại đội: 0,15.

I. Quy định chế độ phụ cấp, trợ cấp, bảo hiểm xã hội, phụ cấp đặc thù quốc quân sự của chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã là người hoạt động chuyên trách; thôn trưởng và trung đội trưởng dân quân cơ động.

1. Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã được hưởng:

1.1. Chế độ phụ cấp hàng tháng được hưởng như Điều 3, Quyết định số 09/2010/ BND.ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về quy định chức số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở , thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm của Chính phủ. Mức phụ cấp hàng tháng được hưởng hệ số 1,00 mức lương tối chung của cán bộ công chức.

1.2. Hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, trong thời gian giữ chức vụ uy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã từ nguồn ngân sách địa phương; mức hỗ trợ áp theo Khoản 3, Điều 5 Quyết định số 1111/QĐ-BHXH ngày 25 tháng 10 năm 2011 ảo hiểm xã hội Việt Nam về việc ban hành quy định quản lý thu bảo hiểm xã hội, bảo y tế; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế, cụ thể từ ngày 01 tháng 01 năm đến 31 tháng 12 năm 2013: bằng 20%, trong đó: cá nhân đóng 7%, địa phương hỗ 3%.

1.3. Trợ cấp thôi việc: Được trợ cấp một lần trong trường hợp có thời gian công ên tục từ đủ 60 tháng trở lên, nếu nghỉ việc có lý do chính đáng mà chưa đủ điều nghỉ hưu, cứ 01 năm công tác được tính bằng 1,5 tháng mức bình quân phụ cấp hưởng.

1.4. Chế độ phụ cấp thâm niên: Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã có thời công tác liên tục từ đủ 60 tháng trở lên, tính từ khi có quyết định bổ nhiệm chức

vụ đến khi thôi giữ chức vụ đó; được hưởng phụ cấp thâm niên, mỗi năm công t bằng 1% lương và phụ cấp hiện hưởng;

1.5. Chế độ phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự: Chỉ huy phó Ban chỉ hu quân sự cấp xã được hưởng chế độ phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự. Mức hưởn phụ cấp bằng 50% mức phụ cấp hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ, thâm niên (nế có), tính từ tháng có quyết định bổ nhiệm đến khi thôi giữ chức.

2. Thôn đội trưởng được hưởng: Chế độ phụ cấp hàng tháng bằng hệ số 0,5 mứ lương tối thiểu chung của cán bộ công chức.

3. Thôn đội trưởng kiêm Trung đội trưởng cơ động được hưởng chế độ phụ cấp đặ thù quốc phòng, quân sự, mức hưởng phụ cấp bằng 50% mức phụ cấp hiện hưởng cộn phụ cấp chức vụ, tính từ tháng có quyết định bổ nhiệm đến khi thôi giữ chức.

IV. Thời gian thực hiện

Mức trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng dân quân tự vệ khi tham gia huấ luyện, hoạt động và chế độ phụ cấp đối với cán bộ Ban chỉ huy quân sự cấp xã, chỉ hu đơn vị dân quân tự vệ, phó chỉ huy Ban chỉ huy quân sự cấp xã bố trí theo Quyết định s 09/2010/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Uỷ ban nhân dân tỉnh và thôn đ trưởng nêu trên được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức triể khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉn các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khoá XV, kỳ họ thứ ba thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Diên

UBND tỉnh Thái Bình xuất bản

Điện thoại: 0363.731.783

Fax: 84.036.731513

Mail: Trungtamcongbao@thaibinh.gov.vn

In tại Xí nghiệp In Thái Bình